

Số: 191/BVQDY-TCHC

Trà Vinh, ngày 03 tháng 6 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

V/v tư vấn lập E-hồ sơ mời thầu, đánh giá E-hồ sơ dự thầu, thẩm định E-hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác triển khai bệnh án điện tử”

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn.

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh đang có nhu cầu báo giá dự toán lựa chọn nhà thầu tư vấn lập E-hồ sơ mời thầu, đánh giá E-hồ sơ dự thầu, thẩm định E-hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác triển khai bệnh án điện tử” tại Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về gói thầu cần tư vấn đấu thầu

Gói thầu số 01: Mua sắm trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác triển khai bệnh án điện tử, số tiền **5.609.876.083 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm lẻ chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi ba đồng), bao gồm:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Chi tiết nội dung gói thầu: (Đính kèm phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3).

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Khi nhận được thông báo này, các đơn vị tư vấn đấu thầu có năng lực, có nhu cầu tham gia gửi hồ sơ năng lực cụ thể:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Hồ sơ năng lực công ty.
- Biểu giá dịch vụ tư vấn dự kiến sẽ thực hiện.
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày chào giá.

III. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ

Hồ sơ chào giá dịch vụ có ký tên và đóng dấu, xin vui lòng gửi về: Phòng Tổ chức – Hành chính Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh theo địa chỉ số 219, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, số điện

thoại: 02943 865757.

Thời gian nhận hồ sơ: trước 17 giờ ngày 04/6/2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.T03.

GIÁM ĐỐC

Thượng tá Đoàn Văn Tân

PHỤ LỤC 1
PHẦN CUNG TRẠNG THIẾT BỊ
*(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 191/BVQD-Y-TCHC ngày 03/6/2025 của
 Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh)*

ST T	Hạng mục/ Part Number	Mô tả chi tiết	Thương hiệu	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thuế GTGT 10% (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
HẠ TẦNG								
A	HỆ THỐNG GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG			bộ	1	57.937.500	5.793.750	63.731.250
1	IMCC-84IO	Hệ giám sát môi trường - IMCC-84IO (Made in Viet Nam) Monitoring Controler; 8 Digital inputs, 4 outputs Chức năng tự động nhận diện MDI/MDIX Đầu ra: + Tích hợp cảm biến mất nguồn 3 pha mặc định (Có thể mở rộng 20 cảm biến mất nguồn) + Nguồn cảm biến/phụ kiện: 12VDC hoặc 24VDC. (nguồn cho cảm biến và/hoặc thiết bị bên ngoài) + Còi cảnh báo 3 màu cho các mức độ sự kiện khác nhau + Màn hình hiển thị tích hợp trên tủ (Optional) Cổng giao tiếp + Ethernet: 10/100BaseT, đầu nối RJ45; + RS-232; + Đầu nối RJ45; + Modbus + Modbus/IP	Viet Nam	bộ	1			
2	EMS1000000	Bộ phận của bộ lưu điện: đầu dò nhiệt độ độ ẩm (TEMP+HUM.+4 CONTACT), model EMS1000000 Temperature / Humidity Sensor; LCD display, 4-20mA, wall mount, Magnet, requires 5-12VDC nhiệt độ: -0 đến 45°C Độ ẩm tương đối - Phạm vi: 20 đến 90% RH	Delta Electronics	cái	2			

		- Cảm biến RH: Polymer điện dung Giao thức truyền tải: RS232 hoặc RS485 Điện trở cuối: Tùy ý Enable or Disable Đầu ra được cấp nguồn vòng lặp 4-20 mA: 10-35 VDC Kích thước và Trọng lượng: 71mmW x 114mmH x 28mmD; 120 g Chứng nhận: CE						
3	AWLCW-C	Cáp phát hiện rò rỉ chất lỏng Model: AWLCW-C - Khả năng phát hiện: Bất kỳ điểm nào dọc tuyến cáp. - Tính năng khô nhanh: tối đa 15s sau khi thoát khỏi vùng đọng nước - Nhiệt độ hoạt động: <85 °C - Điện trở: 14 Ôm / 100 mét - Đường kính cáp: 6mm - Cấu tạo cáp: 2*30 AWG với vỏ nhựa dẫn điện.	Angustos	sợi	1			
4	ASD-G4TC	Thiết bị gửi tin nhắn 4G-LTE Model: ASD-G4TC- Điện áp hoạt động: 5 – 32V- Tích hợp bảo vệ nguồn: Cầu chì 250V – 2.5A- Antenna: Tích hợp antenna kép tăng khả năng thu phát- Nhiệt độ hoạt động: -35°C đến 75°C- Độ ẩm hoạt động: 10% đến 90%- Khả năng giao tiếp: Giao tiếp dòng lệnh bằng tín hiệu RS232 hoặc USB C- Hỗ trợ tập lệnh: AT Command- Sóng đi động: LTE Cat 4 Max. 150 Mbps (DL) Max. 50Mbps (UL).	Angustos	cái	1			
5		[T&C] Testing and Commissioning (T&C)	HPA	gói	1			
6		Dịch vụ thi công - lắp đặt tại Trà Vinh	HPA	gói	1			
7		Vật tư thi công.	Việt Nam	gói	1			
B HỆ THỐNG ĐIỆN								
B1	TỦ MSB			tủ	1	21.887.500	2.188.750	24.076.250
1		MCB 2P 75A	LS	Cái	1			
2		MCB 2P 32A INPUT, OUTPUT, BYPASS + MLOCK UPS	LS	Cái	3			
3		MCB 2P 25A (TỦ LUẬN PHIÊN)	LS	Cái	2			
4		MCB 1P 16A (FM200, light, access control, camera, spare)	LS	Cái	6			
5		MCB 2P 16A (PDU+ SPARE)	LS	Cái	6			
6		MCT 75A/5A	Elmex	Cái	1			

7		Multimeter digital	Select	Cái	1			
8		Indicator light (Red + Yellow + Green)	China	Cái	3			
9		Fuse 2A	China	Cái	4			
10		Vỏ tủ sơn tĩnh điện, tole 1.5mm, IP42, Tủ trong nhà, treo tường, 2 lớp cửa	Vietnam	Cái	1			
11		Phụ kiện, vật tư phụ, busbar, dây...	HPA	gói	1			
B2	CÁP ĐIỆN			Gói	1	31.969.000	3.196.900	35.165.900
1		Trục kỹ thuật (tủ tầng) đến MDB CVV 3Cx25mm2	Cadivi	m	30			
2		MDB đến 02 UPS 05KVA CVV 3Cx10mm2 (Input, output, bypass)	Cadivi	m	20			
3		Dây nguồn đến các PDU CVV 3Cx4mm2	Cadivi	m	40			
4		Socket 3P 32A IP44 (đầu cái)	PCE	Cái	2			
5		Socket 3P 32A IP44 (đầu đực)	PCE	Cái	2			
6		Vật tư phụ thi công	VN	lô	1			
7		Nhân công lắp đặt tại Trà Vinh	HPA	gói	1			
B3	MÁNG CÁP ĐIỆN			Gói	1	12.411.500	1.241.150	13.652.650
		Trunking 100x100x1mm, sơn tĩnh điện, phụ kiện	VN	m	9			
		Co vuông Trunking 100x100x1mm sơn tĩnh điện	VN	cái	2			
		T Trunking 100x100x1.2mm	VN	cái	1			
		Co đứng Trunking 100x100x1.2mm	VN	cái	1			
		Vật tư phụ thi công	VN	gói	1			
		Nhân công vận chuyển, lắp đặt	HPA	gói	1			
C	SÀN NÂNG KỸ THUẬT			Gói	1	60.255.000	6.025.500	66.280.500
1		Tấm sàn đặc Cung cấp vật tư hệ thống sàn nâng với tấm sàn làm bằng thép được dập theo dạng hình hộp phủ sơn tĩnh điện bên ngoài, bên trong tấm sàn được độn xi măng để tăng độ cách âm và chịu lực, mặt trên tấm sàn hoàn thiện bằng tấm chống tĩnh điện High Pressure Laminates (HPL) dày 1.2mm. Viền tấm bằng nhựa PVC màu đen	ATFlor	gói	1			

		nhằm đảm bảo độ bền cho mặt hoàn thiện HPL. Toàn bộ tấm sàn sơn tĩnh điện màu xám trắng. * Hiệu: AT Flor * Loại: FS-1000 * Thanh giằng * Chân cao 300mm * Tải tập trung: 450kg/điểm * Tải dàn đều: 2300kg/M2 * Hệ số an toàn: gấp 3 lần tải trọng nêu trên.						
2		Cung cấp và lắp đặt hệ thống cáp đồng tiếp địa với dây đồng tiếp diện 10mm2 bao gồm đầu cos, đai ốc. Kết nối các chân đế theo hàng cách hàng (Nếu có) Cung cấp và lắp đặt thanh đồng cái dài để liên kết vào hệ thống tiếp địa của công trình. (Nếu có)	Cadivi	gói	1			
3		Tay hít	China	cái	1			
4		Ram dốc 1200x1200mm (bao gồm V-Inox)	ATFlor	Gói	1			
5		Giao hàng và Thi công tại Trà Vinh		Gói	1			
D	HỆ THỐNG PCCC TỰ ĐỘNG							
D1	Phần cơ			Gói	1	58.834.000	5.883.400	64.717.400
1	1000E	Bình chữa cháy Stat-X loại 1000E bao gồm giá đỡ	Fireway/ USA	Bình	1			
2	500E	Bình chữa cháy Stat-X loại 500E bao gồm giá đỡ	Fireway/ USA	Bình	1			
3		Bảng cảnh báo	Vietnam	cái	1			
D2	Phần điện			Gói	1	76.567.000	7.656.700	84.223.700
1	ML-322	Trung tâm xả khí 4 kênh, 1 vùng (chưa bao gồm acquy)	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	bộ	1			
2	ML-2110	Đầu báo khói kèm đế	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	bộ	2			
3	ML-2130	Đầu báo nhiệt kèm đế	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	bộ	2			
4	ML-2130.BS	Đầu dò nhiệt cố định 80oC bao gồm đế	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	bộ	1			
5	ML-2710.MR	Nút kích hoạt xả khí bằng tay (bao gồm nắp chụp)	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	bộ	1			

6	ML-2710.ES	Nút huỷ xả khí bằng tay (bao gồm nắp chụp)	Maxlogic/ Thổ Nhĩ Kỳ	cái	1			
7	MG-5400	Chuông báo cháy	Mavigard/Th ổ Nhĩ Kỳ	cái	1			
8	ML-2430	Còi/ đèn báo cháy	Maxlogic/Th ổ Nhĩ Kỳ	cái	1			
9	EVL-01	Đèn báo di tản	Việt Nam	cái	1			
10	DSC-01	Đèn báo xả khí	Việt Nam	cái	1			
11		Nhân công lắp đặt, vận chuyển, đường ống, phụ kiện và vệ sinh hoàn trả mặt bằng...(không bao gồm kiểm định và thẩm duyệt nghiệm thu PCCC)	HPA	gói	1			
E	CAMERA			Gói	1	11.719.855	1.171.986	12.891.841
1	DS-7104NI-Q1/M	Đầu ghi IP H.265+ 4 kênh Hikvision DS-7104NI-Q1/M – Chuẩn nén video H.265+/ H.265/ H.264+/ H.264 – Cổng ra HDMI và VGA với độ phân giải 1920X1080P – Độ phân giải ghi hình tối đa 4MP – Băng thông đầu vào 40Mbps, băng thông đầu ra 60Mbps – Hỗ trợ ổ cứng dung lượng đến 6TB	Hikvision	bộ	1			
2	DS-2CD1143G2-LIUF-	[DS-2CD1143G2-LIUF] Camera Dome Hikvision 4.0MP DS-2CD1143G2-LIUF (2.8mm) – Chuẩn nén H.265, H.265+, H.264, H.264+ – Độ phân giải 4.0 Megapixel – Tầm xa hồng ngoại/Ánh sáng trắng 30m – Chống ngược sáng WDR 120dB, BLC, 3D DNR – Hỗ trợ chế độ đèn thông minh Smart Hybrid Light – Tính năng phát hiện người và phương tiện – Hỗ trợ thẻ nhớ tối đa 512GB, cho phép ghi video – Tích hợp Micro – Tiêu chuẩn chống bụi nước IP67, IK08	Hikvision	bộ	2			
3	WD23PURZ	Ổ cứng Western 2TB WD23PURZ – Dung lượng 2TB.	WD	bộ	1			

		– Chuẩn giao tiếp SATA 3 (6Gb/s max). – Tốc độ quay 5400RPM. – Bộ đệm 64 MB Cache. – Thích hợp trong hệ thống camera giám sát tại nhà và doanh nghiệp vừa và nhỏ.						
4	DS-3E0106P-E/M	Bộ chuyển đổi nguồn dùng cho camera DS-3E0106P-E/M– Switch 4 cổng PoE, 2 cổng uplink 10/100Mbps.– Tự tương thích chuẩn IEEE 802.3af/at.– Công suất PoE 35W ; Công suất tối đa 30W mỗi cổng.– Truyền dẫn khoảng cách xa: Tối đa 300m.– Bảng địa chỉ MAC: 4K.– Khả năng chuyển mạch 1.6Gbps.– Tốc độ chuyển tiếp gói tin: 0.8928Mpps.– Chống sét 6KV cho các cổng PoE.	Hikvision	bộ	1			
5		Dịch vụ thi công - lắp đặt - Cầu hình	-	gói	1			
6		Vật tư thi công	-	Gói	1			
F	ACCESS CONTROL					16.469.063	1.646.906	18.115.969
1	SenseFace 2A	[SenseFace 2A] Đầu đọc kiểm soát vào ra ZKTECO có tính năng Face, Vân tay, Thẻ từ Model: SenseFace 2A Display:2.4"@ TFT Color LCD Screen (720*1280) Camera:WDR Binocular Camera @ 1MP Operation System: Linux Authentication method:Fingerprint / Face / Card / Password (Physical Keypad) Fingerprint Template Capacity: 3,000 (1:N) (Standard) Card Capacity:3,000 (1:N) (Standard) User Capacity:3,000 (1:N) (Standard) Transaction Capacity:150,000 (1:N) (Standard) Biometric Verification Speed: less than 0.5 sec (Fingerprint) less than 0.35 sec (Facial Recognition) Touchless Biometric Recognition Distance:30cm to 200cm (Facial Recognition) False Acceptance Rate (FAR) %:	ZKTECO	bộ	1			

		FAR$\leq$ 0.01% (Visible Light Facial Recognition) FAR$\leq$ 0.0001% (Fingerprint) False Rejection Rate (FRR) %: FRR$\leq$ 0.02% (Visible Light Facial Recognition) FRR$\leq$ 0.01% (Fingerprint) Biometric Algorithm:ZKFace V4.0 Card Type: IDCard@125 kHz (Standard) IC Card@13.56 MHz (Optional) Communication: TCP/IP*1 Wi-Fi (IEEE802.11a/b/g/n/ac) @ 2.4 GHz (Optional) USB: Type A (USB Drive Only)*1 Electric Lock*1, Door Sensor*1, Exit Button*1 Dimensions:205.2 mm*74.2 mm*33 mm (L*W*H) Bao gồm 10 thẻ từ đi kèm						
2	PS902B	Bộ nguồn ZKTECO chưa có Acqui Model: PS902B Power Supply with Battery Leads Input: 220V AC, 50Hz Output: 12V DC 5A Momentary Current$\square$ 5A Persistent Current$\square$ 2A 12V 7Ah battery	ZKTECO	bộ	1			
3	LM-2805	Bộ khóa từ ZKTECO Model: LM-2805 Lock dimensions: 250L*47W*25.5H mm Armature plate dimensions: 180L*38W*11H mm Holding Force: 200Kg$\pm$10(440Lbs) Current draw: 420mA@12V Surface temp: $\leq$+20°C Operating temp: -10o+55o C(14-131F) With LED light indication Anodized aluminum housing 5 wires: Power(+/-), Door Sensor (NO/NC/COM)	ZKTECO	bộ	1			
4	LMB-280ZL	[LMB-280ZL] B. gá khóa t. ZKTECO Model: LMB-280ZL ZL bracket for LM-2802 and LM-2805	ZKTECO	bộ	1			

		LMB280L + LMB280Z						
5	ZKABK900A-G	Nút nhấn khẩn ZKTECO Model: ZKABK900A-G Emergency break glass□Green□□ ZKTeco LOGO; 1 Relay; 86mm*86mm*52mm±1mm	ZKTECO	bộ	1			
6	EX-801B	[EX-801B] Nút nhấn Exit ZKTECO Model: EX-801B Size: 800B: 88Lx88Wx20T(mm)	ZKTECO	bộ	1			
7		Dịch vụ thi công - lắp đặt	HPA	gói	1			
8		Vật tư thi công	Việt Nam	gói	1			
THIẾT BỊ								
		CORE SWITCH						
1	AT-x250-18XS-E51	Allied Telesis 10 Gigabit Layer 3 Lite Stackable Switch, 18x SFP/SFP+ ports and a single fixed PSU, EU Power Cord. 1 year NCA support (Start date is shipment date from ATI - Grace period 90 days)	Allied Telesis	Cái	2	94.770.000	9.477.000	208.494.000
2	SFP-10G-10KM	Module quang Handar 10G 1310nm 10km Dual LC	Handar	Cái	28			
		FIREWALL						
1	FG-90G-BDL-950-12	8 x GE RJ45 ports, 2 x 10GE RJ45/SFP+ shared media WAN ports. Hardware plus FortiCare Premium and FortiGuard Unified Threat Protection (UTP)	Fortinet	cái	2	98.280.000	9.828.000	216.216.000
		ROUTER						
1	Mikrotik CCR2004-16G-2S+	(16) Cổng 1G Ethernet (2) Cổng 10G SFP+ Bộ xử lý: Amazon Annapurna Labs Alpine.v2 4-core 1.7GHz Bộ nhớ RAM 4GB (2) Nguồn cấp có thể tháo rời	Mikrotik	cái	1	14.300.000	1.430.000	15.730.000
		TỦ RACK						
1	SR42612BVA3-FAN	TỦ SMARTRAK3.0 42U 600 x 1200	SJ- Legrand	cái	1	31.658.770	3.165.877	34.824.647
2	646861C	20+4 WAY C13+C19 OUTLET - 3m Cord - CF - 32A			1			

		UPS						
1	311348	Legrand ASI KEOR DK 5KVA	Legrand	bộ	1	45.000.000	4.500.000	49.500.000
		CÁP QUANG						
1		Cáp quang Single mode 4FO	Việt Nam	mét	2000	3.200	320	7.040.000
		CÁP MẠNG						
1		Cáp mạng CAT6 UTP, PVC, 23AWG,305m/Thùng, màu xanh	Vietfiber	thùng	6	2.900.000	290.000	19.140.000
2		Ống nẹp, vật tư phụ, nhân công...	VN	Gói	1	40.000.000	4.000.000	44.000.000
		SERVER						
1		HPE ProLiant DL380 Gen11 8SFF	HPE	Bộ	2	350.000.000	35.000.000	770.000.000
	P52534-B21	HPE ProLiant DL380 Gen11 8SFF NC Configure-to-order Server			1			
	P52534-B21 UUF	HPE ProLiant DL380 Gen11 8SFF NC Configure-to-order Server Asia Pacific English			1			
	P67093-B21	Intel Xeon-Silver 4516Y+ 2.2GHz 24-core 185W Processor for HPE			2			
	P64706-B21	HPE 32GB (1x32GB) Dual Rank x8 DDR5-5600 CAS-46-45-45 EC8 Registered Smart Memory Kit			4			
	P48813-B21	HPE ProLiant DL380 Gen11 2U 8SFF x1 Tri-Mode U.3 Drive Cage Kit			1			
	P40513-B21	HPE 480GB NVMe RI M.2 MV SSD			2			
	Q0L14A	HPE StoreFabric SN1200E 16Gb Dual Port Fibre Channel Host Bus Adapter			1			
	P28352-B21	HPE 2.4TB SAS 12G Mission Critical 10K SFF BC 3-year Warranty 512e Multi Vendor HDD			2			
	P01366-B21	HPE 96W Smart Storage Lithium-ion Battery with 145mm Cable Kit			1			
	P48918-B21	HPE ProLiant DL360 Gen11 Storage Controller Enablement Cable Kit			1			
	P47781-B21	HPE MR416i-o Gen11 x16 Lanes 8GB Cache OCP SPDM Storage Controller			1			
	P51181-B21	Broadcom BCM5719 Ethernet 1Gb 4-port BASE-T OCP3 Adapter for HPE			1			
	P38995-B21	HPE 800W Flex Slot Platinum Hot Plug Low Halogen Power Supply Kit			1			
	BD505A	HPE iLO Advanced 1-server License with 3yr Support on iLO Licensed Features			1			
	S1A05A	HPE Compute Cloud Management Server FIO Enablement			1			

	P51911-B21	HPE ProLiant DL360 Gen11 CPU1 to OCP2 x8 Enablement Kit			1			
	P35876-B21	HPE CE Mark Removal FIO Enablement Kit			1			
	P48818-B21	HPE ProLiant DL380/DL560 Gen11 High Performance 2U Heat Sink Kit			1			
	P52341-B21	HPE ProLiant DL3XX Gen11 Easy Install Rail 3 Kit			1			
	R7A11AAE	HPE Compute Ops Management Standard 3-year Upfront ProLiant SaaS			1			
	HU4B2A3	HPE 3Y Tech Care Basic Service			1			
	HU4B2A300DK	HPE DL380 Gen11 Support			1			
	Bản quyền phần mềm ảo hóa	Bản quyền phần mềm phục vụ ảo hóa: Tính năng - Hỗ trợ cơ chế sẵn sàng cao: Cung cấp khả năng sẵn sàng cao cho các máy ảo chạy trên nền hệ thống ảo hoá, khi có sự cố xảy ra trên một máy chủ phần cứng, hệ thống tự động khởi động lại máy ảo trên máy chủ khác. - Hỗ trợ di trú nóng khi máy ảo đang hoạt động: Cho phép di trú máy ảo giữa các máy chủ vật lý mà không làm ngừng hoạt động của máy ảo hay dịch vụ đang hoạt động trong máy ảo. - Hỗ trợ khả năng di trú máy ảo đang hoạt động giữa các hệ thống lưu trữ khác nhau: Cho phép di trú máy ảo giữa các vùng lưu trữ khác nhau mà không làm ngừng hoạt động của máy ảo hay dịch vụ đang hoạt động trong máy ảo. - Hỗ trợ khả năng cân bằng tải nguyên giữa các hệ thống máy chủ: Cung cấp cơ chế cân bằng tải một cách linh hoạt cho các máy chủ vật lý - Hỗ trợ kết nối lưu trữ thông qua NFS, iSCSI, Fibre Channel - Tính năng quản trị VM: + Có sẵn tính năng quản trị VM trên nền tảng ảo hóa của giải pháp chào thầu và quản trị VM trên nền tảng ảo hóa VMware + Có sẵn tính năng tạo snapshot VM + Có sẵn tính năng tạo Image từ các VM + Cho phép tắt, bật, restart VM từ giao diện	HPE	Gói	3	30.000.000		90.000.000

		quản trị + Hỗ trợ truy cập Console của VM thông qua giao diện HTML5 Console + Hỗ trợ tích hợp với các công cụ sao lưu dữ liệu như Veeam, Commvault - Yêu cầu Bản quyền: + Cung cấp bản quyền phần mềm ảo hóa cho toàn bộ số core hoặc số CPU theo cấu hình máy chủ + Loại bản quyền: 3 năm Subscription						
	S5Q82AAE	HPE Morpheus VM Essentials Software per Socket 3-year E-LTU			1			
		Phần mềm backup						
3	SBR-VT	Storware Backup&Recovery for virtual environments (1 VM) with Titanium 24x7 support incl. 1 year maintenance	Storware/Pol and	Gói	4	7.230.600		28.922.400
		SAN LƯU TRỮ						
1	4680-3P4	IBM Storage FlashSystem 5045 SFF Control Enclosure	IBM	Bộ	1	433.515.979	43.351.598	476.867.577
	8S1926	FS5045 NON-CHINA ORIGIN			1			
	ACSR	5m OM3 Fiber Cable (LC)			4			
	ADN1	Order Type 1 - CTO			1			
	ADZ1	TAA Designated Country			1			
	AHPA	AC Power Supply HE			1			
	AHZE	Hybrid Flash Indicator			1			
	AKCH	Standard S&H Indicator			1			
	AL6B	2.4TB 10K 2.5 Inch HDD			12			
	ALBG	16 Gb FC 4 Port Adapter Cards (Pair)			1			
	ALGA	32 GB Cache Upgrade			1			
2	N/A	Dịch vụ bảo trì phần cứng IBM			1			
3		Thi công triển khai lắp đặt thiết bị switch, server, storage, firewall...		Gói	1	60.000.000	6.000.000	66.000.000
		AP						
1	AT-GS980MX/28P Sm-50	Allied Telesis 20-port 10/100/1000-T PoE+ 370W & 4-port 100M/1G/2.5G/5G-T PoE+ stackable L3 switch, 4x SFP+ Ports and a single fixed PSU, EU Power Cord	Allied Telesis	Cái	4	78.390.000	7.839.000	344.916.000
2	AT-GS950/10PSV2-	Allied Telesis Gigabit webSmart switch, 8x 10/100/1000-T PoE+ 75W, 2x SFP Ports and	Allied Telesis	Cái	4	12.675.000	1.267.500	55.770.000

	50	single fixed PSU, EU Power Cord.						
3	AT-GS950/48-50	Allied Telesis WebSmart switch 48 port 10/100/1000TX + 4 SFP Combo ports, EU Power Cord.	Allied Telesis	Cái	4	25.220.000	2.522.000	110.968.000
4	XV2-21X0A00-RW	Bộ thu phát wifi Cambium XV2-21X Indoor Dual radio WiFi 6 AP, 2x2, GbE, RW. Chịu tải 256 users (không bao gồm PoE Injector)	Cambium	Cái	15	6.175.000	617.500	101.887.500
5		Dịch vụ thi công lắp đặt thi công đầu nối cấu hình switch và wifi		Gói	1	20.000.000	2.000.000	22.000.000
		Thiết bị văn phòng và sảnh						
1	B91LWAT	Máy tính để bàn HP Pro Tower 280 G9 Hệ điều hành Windows 11 Home Bộ xử lý (CPU) Intel® Core™ i5-13500 (bộ nhớ đệm 24M, lên đến 4,80 GHz) Ram 16GB DDR4-3200 MT/s (2 khe cắm Ram) Ổ cứng 512GB PCIe NVMe M.2 Card Đồ họa Intel® UHD Graphics 770 Âm thanh Realtek ALC3867 codec, universal audio jack with CTIA headset support, audio line-out rear ports (3.5 mm), multi-streaming capable Cổng giao tiếp mạng Wi-Fi® and Bluetooth® Cổng giao tiếp kết nối thiết bị Front: 2 USB Type-A 10Gbps signaling rate, 2 USB Type-A 5Gbps signaling rate, 1 USB Type-C®, 1 USB 2.0 Type-A, 1 headphone/microphone combo (systems with 13th Generation Intel®Core™ processors);Rear: 2 USB 2.0 Type-A, 1 HDMI, 1 DisplayPort™, 1 RJ-45, 1 power connector, 1 serial, 1 line in, 1 line out (systems with 13th Generation Intel® Core™ processors); Bàn phím và chuột KEYBOARD/MOUSE Kích thước 15.5 x 30.3 x 33.7 cm 28.7 x 40 x 49.9 cm (Package) Trọng lượng 4.7 kg Bảo hành 12 tháng Màn hình máy tính HP P24v G5 23.8" VA, Full HD (1920x1080), HDMI	HP	cái	20	19.000.000	1.900.000	418.000.000
2	A74BTPT	Laptop HP ProBook 460 G11 Màu sắc BạcHệ điều hành Windows 11 HomeCPU Intel®	HP	Cái	5	22.930.000	2.293.000	126.115.000

		Core™ Ultra 5 125U (12M bộ nhớ đệm, lên đến 4,30 GHz) Ram 16 GB DDR5-5600 PC4 SO-DIMM memory Ổ cứng (HDD/SSD) 512 GB PCIe NVMe SSD Size màn hình 16.0" diagonal Anti-Glare WUXGA (1920x1200) UWVA IPS WLED display, 300 nits, for FHD Webcam Card đồ họa (VGA) Integrated Intel® Graphics Âm thanh Audio by Poly Studio, dual stereo speakers with discrete amplifiers, integrated dual array microphones Giao tiếp mạng Intel® Wi-Fi 6E AX211 (2x2) and Bluetooth® 5.3 wireless card Cổng giao tiếp 2 USB Type-C® 20Gbps signaling rate (USB Power Delivery, DisplayPort™ 1.4, HP Sleep and Charge); 2 USB Type-A 5Gbps signaling rate (1 charging, 1 power); 1 HDMI 2.1; 1 stereo headphone/microphone combo jack; 1 RJ-45 HDMI cable sold separately. Webcam Integrated 1080p FHD webcam with dual-microphone array PIN/Battery 3-cell 56 WHr Long Life, Fast Charge Battery (Internal and not replaceable by customer. Serviceable by warranty.) Thiết kế HP Standard Notebook Keyboard with numeric keypad, spill-resistant, Durakey keyboard - Clickpad with multi-touch gesture support Kích thước Dimensions (W X D X H) 14.15 x 9.88 x 0.43 in (front); 14.15 x 9.88 x 0.67 in (rear) Package dimensions 2.71 x 19.01 x 12 in Trọng lượng Tương đương 1,75kg Hãng sản xuất HP Bảo hành 12 tháng						
3		Samsung Galaxy Tab S9 FE Wi-Fi 8GB 256GB Kích thước màn hình: 10.9 inch Độ phân giải: 2304x1440 RAM: 8GB Bộ nhớ trong: 256GB Hệ điều hành & CPU Chip xử lý (CPU) Samsung Exynos 1380 Chip đồ họa (GPU): Mali-G68 MP5 Camera sau: Độ phân giải ≥ 8 MP Camera trước: Độ phân giải ≥ 12 MP	Samsung	cái	5	12.540.000	1.254.000	68.970.000

		Pin & Sạc: Dung lượng pin: $\geq 8,000$ mAh Kết nối: Wi-Fi 6; Bluetooth V5.3; Cổng kết nối/sạc type-C						
4		Đầu đọc vân tay ZKTeco ZK4500 Đầu đọc vân tay + SDK kèm theo. Kết nối với máy tính qua cổng USB. Đèn xanh và tiếng beep báo đọc thành công. Hỗ trợ hệ điều hành: Win XP, Win7, Win8, 32/64 bit. Dùng để quản lý khách hàng, nhân viên.	ZKTeco	cái	5	1.870.000	187.000	10.285.000
5		Máy chiếu Epson EB-982W (3LCD/ 4200 Ansi Lumens/ WXGA)Loại sản phẩm Máy chiếu Văn phòngCông nghệ 3LCDĐộ thu phóng 30 - 300 InchĐộ tương phản 16.000:1Độ sáng 4200 ANSI LumensĐộ phân giải WXGA (1280 x 800)Tuổi thọ đèn ~ 17.000 giờÂm thanh 16WCổng giao tiếp Cổng kết nối: VGA, Video, component (via D-sub 15-pin),RS232, HDMI x 2, USB (3 trong 1) LAN (cổng RJ45)...Trình chiếu không giấy Wireless (option)Kích thước 248 x 364 x 87 mmTrọng lượng 3,1 KgBảo hành chi tiết Bảo hành 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1000 giờ với bóng đèn chiếu (tùy điều kiện nào tới trước)Xuất xứ Philippines	Epson	cái	1	23.620.000	2.362.000	25.982.000
6	QA85Q60BA	Thông số kỹ thuật Smart Tivi QLED Samsung 4K 85 inch Bộ vi xử lý: Quantum Processor Lite 4K Smart Tivi: Có Công nghệ xử lý hình ảnh: Dual LED, Supreme UHD Dimming, Motion Xcelerator, Brightness/Color Detection Công nghệ âm thanh: Object Tracking Sound, Q-Symphony, Dolby Digital Plus, Adaptive Sound Tổng công suất loa: 20W Số lượng loa: 2 loa Cổng WiFi: Wifi 5 Cổng Internet (LAN): Có Cổng HDMI: 3 cổng Cổng Optical: 1 cổng	Samsung	Cái	2	49.000.000	4.900.000	107.800.000

		Cổng AV in (Composite / Component): 3 cổng HDMI có 1 cổng HDMI eARC (ARC), 1 cổng Composite Cổng AV out: 1 cổng Optical (Digital Audio), 1 cổng eARC (ARC) Cổng USB: 2 Cổng Chia sẻ thông minh: Bluetooth 4.2 Hệ điều hành - Giao diện: Tizen Trình duyệt web: Có						
7	UA32H5000F	Smart Tivi Samsung 32 inch Loại Tivi LED Kích thước màn hình 32 inch Độ phân giải HD Khoảng cách xem 2m - 3m Nguồn điện áp 220V - 240V / 50Hz - 60Hz Công nghệ hình ảnh MegaContrast, Micro Dimming Pro Công nghệ âm thanh Adaptive Sound, OTS Lite, Q- Symphony Bluetooth Có Kết nối LAN, Wifi Cổng HDMI 2 cổng USB 1 cổng Tần số quét 50Hz Bộ xử lý Hyper Real Công suất loa 10W	Samsung	Cái	10	7.530.000	753.000	82.830.000
8	Kíos	Màn Hình: Kích thước màn hình: 32" TFT LED touch screen, - Độ phân giải: 1920*1080 Full HD, 16:9. - Độ Sáng: 350 cd/m2 - Góc hiển thị: 16:9 / H/V: 170/170 - Công nghệ cảm ứng: Cảm ứng điện dung đa điểm	VN	Cái	2	130.000.000	13.000.000	286.000.000
		Máy tính: Bộ vi xử lý CPU Intel Core i3-10105 (3.7 GHz turbor up to 4.4 Ghz, 4 nhân tám luồng, 8MB cache, 65W)-Socket Intel LGA 1200						
		- Bo mạch chủ ASUS PRIME H510M-K(Intel H510, Socket 1200, m-ATX, 2 khe Ram DDR4) - Bộ nhớ trong DDR4 8Gb bus 3200(LD4AU008G-B3200GSST) - Ổ cứng SSD SA400 120GB SATA III/ 2.5inches/ Read up to 500MB/Write up to 320MB(SA400S37 /120G)						
		Máy in bill: Phong Chữ In Anh, tiếng Thái/tiếng Việt, tiếng Trung giản thể - Tốc Độ In (Tối Đa) 200 mm/giấy. - Chiều Rộng Giấy 79.5 ± 0.5 mm. 57.5 ± 0.5 mm - Dung Lượng Cột: Chiều Rộng Giấy 80 Mm 48 / 57 / 64 - Dung Lượng Cột: Chiều Rộng Giấy 58 Mm 35 / 42 / 46 - Mật Độ Điểm 203 X 203 dpi - Dao Cắt Tự Động						

		1,500,000						
		Đầu đọc 2D: Cảm biến 1280×1088 MP - Đèn báo White LED - ID 1D: All major 1D symbologies, including EAN-13, EAN-8, UPC-A, UPC-E, Code 128, Code 39, Codabar, UCC/EAN 128, RSS, Interleaved 25, ITF 14, ITF 6, Standard 25, Matrix 25, COOP 25, Industrial 25, Plessey, MSI Plessey, Code 11, Code 93, Code 49, Code 16K.						
		Gọi video Ultra HD 4K (lên tới 4096 x 2160 pixel ở tốc độ 30 khung hình/giây) - Gọi video Full HD 1080p (lên tới 1920 x 1080 pixel ở tốc độ 30 hoặc 60 khung hình/giây) - Gọi video HD 720p (lên tới 1280 x 720 pixel ở tốc độ 30, 60 hoặc 90 khung hình/giây) - Khả năng kết nối USB để sử dụng ngay sau khi cắm - Tầm quan sát (FOV) 90 độ với hai cài đặt bổ sung (65 độ và 78 độ) có sẵn với phần mềm tải xuống tùy chọn - Thu phóng kỹ thuật số 5 lần với chất lượng Full HD - Lấy nét tự động.						
		Thiết bị đọc căn cước công dân E1: Tự động nhận diện và đọc căn cước công dân. - Tốc độ đọc: 2s -3s - CPU, RAM: Quad-core Cortex-A53, RAM 1G - Cổng giao tiếp: USB Type C - Chuẩn không tiếp xúc: ISO-14443 A/B - Tần số: 13.56 MHz - Giao thức TCP/IP - Nguồn: 5VDC - Vỏ: Nhôm anode/ Nhựa ABS - Hỗ trợ hệ điều hành: Win 7, Win 10, Win 11 , Linux - Nhiệt độ hoạt động: 10 ~ 50 độ C						
		Khung sườn: Thép tính điện chống gỉ, bền bỉ. tạo hình laser CNC. - Chế độ chống giật chủ động. - Nút khởi động phía sau, - Nhận diện thương hiệu theo yêu cầu - Có cổng USB và cổng LAN phía sau. - Chế độ an toàn: o Có chế độ chống giật chủ động G-Safe 9000, Tự ngắt điện khi có sự cố điện giật hoặc chập cháy..						
		Chân đế chống ngã, chống rung tốt						
		Phần mềm Tiếp đón bệnh nhân tự động (Tích hợp thẻ CCCD gắn chip và xác thực khuôn mặt)						
9			HP	Cái	5	9.700.000	970.000	53.350.000

[illegible]

PHỤ LỤC 2

AN TOÀN THÔNG TIN

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 49.5/BVQDY-TCHC ngày 02/6/2025 của
Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh)

STT	P/N	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I.	DỊCH VỤ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG	Gói	1	378.500.000	378.500.000
1.1	- Khảo sát thông tin các targets sẽ thực hiện kiểm thử (Theo form khảo sát sau NDA). - Thống nhất kế hoạch triển khai với khách hàng. - Thực hiện rà quét lỗ hổng của thiết bị mạng và máy chủ (4 Servers; 30 Thiết bị mạng). - Thực hiện kiểm tra tính tuân thủ của thiết bị mạng và máy chủ (4 Servers; 1 Router + 2 Core Switch). - Thực hiện rà quét và đánh giá lỗ hổng cho ứng dụng Website (3 Website). - Kiểm tra và phân loại các thông tin đầu ra từ quá trình kiểm tra. - Khai thác và kiểm tra ảnh hưởng của lỗ hổng. - Lập báo cáo và đưa ra đề xuất khắc phục. - Trình bày kết quả thông qua báo cáo đã chuẩn bị. - Thực hiện kiểm tra lại các lỗ hổng Critical/ High đã tìm thấy. - Nghiệm thu dự án.				
TỔNG CỘNG:					378.500.000
THUẾ GTGT /%					KCT
TỔNG CỘNG SAU THUẾ GTGT:					378.500.000

PHỤ LỤC 3
THUÊ PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHÁM, CHỮA BỆNH 36 THÁNG
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 494/BVQD-Y-TCHC ngày 12/6/2025 của
Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh)

I. Phần mềm Quản lý bệnh viện (VNPT HIS)

1. Khám bệnh Ngoại trú

STT	Gói cước	Đơn vị tính	Số lượt khám/tháng	Đơn giá	Số tháng sử dụng	Thành tiền (VNĐ)
1	VNPT HIS KG 04	VNĐ/tháng	Từ 6.000 đến 9.000	1.980.000	36	71.280.000

*** Ghi chú:**

- Đơn giá đã bao gồm thuế VAT (10%).
- Đơn giá trên không bao gồm: (1) Hạ tầng, đường truyền; (2) Tùy chỉnh, mở rộng theo yêu cầu khách hàng (phần mềm chưa có sẵn); (4) Chuyển đổi dữ liệu...
- Giá cước đã bao gồm dung lượng lưu trữ ban đầu: 50GB/CSYT trong thời gian 03 năm. Trường hợp khách hàng có nhu cầu lưu trữ thời gian > 03 năm, hoặc sử dụng vượt dung lượng lưu trữ ban đầu, khách hàng cần thuê thêm dung lượng lưu trữ, đơn giá đơn giá VNPT Cloud (áp dụng tại Quyết định số 1018/QĐ-KHDN-HTS ngày 02/10/2023 của Ban KHDN): 30,000VNĐ/10GB HDD/tháng (chưa bao gồm VAT).

2. Khám bệnh Nội trú

STT	Gói cước	Quy mô giường bệnh	Đơn giá (VNĐ/tháng)	Số tháng sử dụng	Thành tiền (VNĐ)
1	VNPT-His-2	≤50	3.850.000	36	138.600.000

*** Ghi chú:** Giá trên đã bao gồm thuế VAT (10%).

II. Phần mềm Quản lý xét nghiệm (VNPT LIS)

STT	Mô hình triển khai	Đơn vị tính	Số lượng máy	Đơn giá/tháng	Số tháng sử dụng	Thành tiền
1	Hệ thống phần mềm VNPT LIS	Máy	5	550.000	36	99.000.000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT (10%).
- Giá cước trên không bao gồm: (1) Chi phí kết nối thiết bị; (2) Hạ tầng truyền dẫn của khách hàng; (3) Thiết kế theo yêu cầu khách hàng; (4) Cài đặt, đào tạo và các chi phí hỗ trợ triển khai phần mềm khác; (5) Chuyển đổi dữ liệu (nếu có).

III. Phần mềm Chẩn đoán hình ảnh (VNPT RIS/PACS)

STT	Nội dung	Đơn giá/ca chụp	Số ca chụp/tháng	Số tháng sử dụng	Thành tiền (Đã bao gồm VAT)
1	X Quang, Siêu âm	6.600	1.500	36	356.400.000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT (10%).
- Giá cước trên không bao gồm: (1) Chi phí kết nối thiết bị với hệ thống; (2) Hạ tầng đường truyền; (3) Thiết kế theo yêu cầu khách hàng; (4) Cài đặt, đào tạo và các chi phí hỗ trợ triển khai phần mềm; (5) Chuyển đổi dữ liệu (nếu có).

IV. Phần mềm Bệnh án điện tử (VNPT EMR)

STT	Gói cước (Số lượng Bệnh án/năm)	Giá cước (VNĐ)	Thuế VAT (10%)	Số năm sử dụng	Thành tiền (VNĐ)
1	1.500	8.025.000	802.500	3	26.482.500

*** Ghi chú:**

- Khách hàng thuê dịch vụ theo gói.
- Trường hợp số lượng bệnh án hiện hữu vượt gói đã mua, hệ thống sẽ có CẢNH BÁO trên tài khoản cấp phát cho TTKD T/TP và Email đăng ký nhận Cảnh báo trên hệ thống.
- Bệnh án là hồ sơ khởi tạo tự động khi người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế. Mỗi một lượt sẽ phát sinh một hồ sơ bệnh án.
- Giá cước là giá thuê dịch vụ trong 05 năm, đã bao gồm dung lượng lưu trữ ban đầu 7,5MB/ Bệnh án trong 05 năm. Dung lượng của bệnh án trong gói được tính bù trừ/bổ sung giữa các bệnh án. Tổng dung lượng miễn phí trong gói được tính bằng tổng dung lượng miễn phí của các bệnh án. Tổng dung lượng lưu trữ phát sinh được tính trên cơ sở số lượng bệnh án active trong tháng.

- Trường hợp khách hàng sử dụng vượt dung lượng lưu trữ ban đầu, cần thuê thêm dung lượng theo gói cước dịch vụ Smart Cloud (Quyết định số 589/KHDN-QLSP về việc ban hành chính sách kinh doanh dịch vụ VNPT Cloud).

- Trường hợp Khách hàng đang sử dụng dịch vụ có yêu cầu hủy dịch vụ VNPT sẽ hỗ trợ tiếp tục lưu trữ dữ liệu phát sinh trong 05 năm tính từ thời điểm bệnh án được khởi tạo, đồng thời hỗ trợ xuất dữ liệu bàn giao cho Khách hàng chủ động lưu trữ.

- Giá cước đã bao gồm: chi phí nghiên cứu, phát triển, vận hành; hạ tầng CNTT; duy trì, hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian khách hàng sử dụng dịch vụ; hỗ trợ cài đặt các module client và server offline cho khách hàng; đào tạo; trước bán hàng.

- Giá cước không bao gồm bao gồm: (1) Chi phí tích hợp sản phẩm với các phần mềm khác; (2) Tùy chỉnh các chức năng đang có, phát triển các chức năng mới; (3) Chuyển đổi dữ liệu; (4) SMS Brandname; (5) Ký số...

V. Dịch vụ Chữ ký số (VNPT SmartCA)

STT	Gói cước	Đơn vị tính	Số lượng (Nhân viên)	Đơn giá (3 năm)	Giá gói (VNĐ) (đã bao gồm VAT)
1	SmartCA Nhân viên Y tế nâng cao (TH) 03 năm	Gói/Nhân viên	50	1.056.000	52.800.000

* Nội dung gói cước:

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT (10%)

- Thời gian hiệu lực chứng thư số: 03 năm kể từ ngày khách hàng kích hoạt dịch vụ.

- Tốc độ ký: 10 lượt ký/giây.

- Hỗ trợ ký số liên tục tốc độ cao.

VI. Giải pháp Tường lửa thông minh (SafeGate Office)

STT	Sản phẩm	Mô tả	ĐVT (năm)	Đơn giá (VNĐ)	VAT (10%)	Thành tiền (VNĐ)
1	SafeGate Office Pro	Phiên bản dành cho: - Quận/Huyện - Trường học lớn - Bệnh viện - Văn phòng quy mô trung bình, lớn	3	65.000.000	6.500.000	214.500.000

* Các chức năng và mô tả chi tiết của dịch vụ SafeGate Office:

- Đáp ứng yêu cầu cấp độ 1 và 2
- Phù hợp: Quận/Huyện; Trường học lớn; Bệnh viện; Văn phòng quy trung bình, lớn.
- Tính năng An toàn, an ninh:
 - + Chặn lọc địa chỉ lừa đảo, độc hại: Tích hợp nguồn dữ liệu về mối nguy, tự động chặn các kết nối nguy hiểm
 - + Phân vùng mạng Insite, Outsite
 - + Phần vùng mạng Insite, Outsite, DMZ...
 - + Truy cập, kết nối từ xa an toàn thông qua VPN: Remote Access VPN và site-to-site VPN
 - + Giám sát, phát hiện và phòng chống xâm nhập, cảnh báo cho quản trị.
- Tính năng quản lý:
 - + Cân bằng tải, hỗ trợ kết nối nhiều đường truyền Internet, tăng tốc độ mạng và dự phòng khi có sự cố đường truyền
 - + Hệ thống báo cáo tình hình sử dụng: top máy sử dụng nhiều nhất, top ứng dụng sử dụng nhiều nhất...
 - + Kiểm soát truy cập NAC (Network Access Control) quản lý các máy trạm theo địa chỉ MAC, IP.

VII. Dịch vụ Hóa đơn điện tử (VNPT Invoice)

STT	Tên gói cước	Đơn vị tính	Số lượng hóa đơn	Giá cước/gói	VAT (10%)	Thành tiền (VNĐ)
1	HD_MAX NEW	Gói	30.000	8.100.000	810.000	8.910.000

*** Lưu ý:**

- Số lượng hóa đơn sử dụng không giới hạn thời gian, tự động chuyển sang năm sau khi sử dụng chưa hết số lượng hóa đơn đăng ký.
- Miễn phí lưu trữ 10 năm theo quy định của Thuế.

Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI+VII): 967.972.500đ (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).